

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 05 – 06/12/2023

Ngày cung cấp TT: 07/12/2023

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cổ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vua (CG12)	Cống mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Đập Vùa (CG12).***

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập La Chợ, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.***

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Sông Chanh, Đầu kênh CG 16, Đập La Chợ.***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T3, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh S48.***

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐB 4 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, mực nước ngoài sông cao hơn. Trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có bèo. Nước màu vàng lục.	7.35	37.4	6.59	0.1	0.482	0.137	217	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 99%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.55	43.7	6.95	0.1	0.497	0.126	220	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Bắc	7.71	31.9	6.88	0.2	0.451	0.160	253	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	4 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								DO đạt mức A.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 93%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động. Mực nước sông cạn. Nước màu vàng lục.	7.51	41.2	4.8	1.1	0.746	1.890	1370	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía	Trời lạnh, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió Đông 9 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng, mực nước trung bình. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.25	23.5	5.28	0.3	0.202	0.167	442	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.									
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió Đông 9 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	0.02	14.5	5.46	0.3	0.194	0.144	399	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
7	Cống Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời lạnh, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió Đông 9 km/h. Cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.1	20.6	5.3	0.3	0.357	0.200	407	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 94%, gió Bắc 4,5 km/h. Không có dòng chảy.	7.21	36.2	5.37	0.3	0.458	0.110	395	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn. Hạ lưu cống dày đặc bèo. Nước màu vàng lục.								B.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Bắc 4 km/h. Dòng chảy rất chậm hướng ra sông Chanh. Hai bờ kênh có bèo. Nước màu vàng lục.	7.39	39.4	3.6	0.7	0.490	1.598	975	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 95%, gió Bắc 4 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Chanh. Nước màu xanh xám.	7.92	50.1	5.73	3	0.497	6.615	3580	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
11	Cầu đường 10 với	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 99%, gió TB 4	7.08	47.8	5.04	0.2	0.381	0.261	416	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	sông Sắt	thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	km/h. Dòng chảy rất chậm hướng về Vĩnh Trị. Nước màu vàng lục. Đang sửa chữa cầu đường sắt.								DO đạt mức B.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐB 4 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông Châu Giang cao hơn. Nước màu vàng lục.	6.99	48.5	3.69	0.2	0.466	1.348	325	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức C.
13	Đàu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 99%, gió TB 5 km/h. Không có dòng chảy, cống mở, mực nước cạn. Nước màu vàng đục.	7.15	56.8	4.94	0.7	1.484	3.443	914	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 99%, gió TB 4 km/h.	7.15	45.5	4.71	0.3	0.544	0.360	450	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Không có dòng chảy, nước đứng. Cống 3/2 đóng. Nước màu vàng lục.								mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 94%, gió Bắc 4,5 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Hạ lưu đang được nạo vét đoạn tiếp theo. Nước màu xanh lục.	7.54	104.7	3.98	0.9	1.329	3.645	1120	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức C.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 99%, gió TB 5 km/h. Cống mở, dòng chảy chậm từ sông Châu Giang vào. Nước màu vàng đục.	7.41	63.5	6.69	0.2	0.567	0.945	279	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO đạt mức A.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 100%, gió ĐB 4 km/h. Dòng chảy vừa từ Hữu Bị về. Nước màu vàng	6.97	33	2.87	0.2	0.723	1.485	339	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức C.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lục.								
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió Đông 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.17	20.8	5.07	0.3	0.381	0.230	429	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 95%, gió Bắc 4 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước trong kênh cao hơn. Nước màu vàng xám.	7.74	112.9	5.56	2.3	0.552	4.590	2780	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 99%, gió TB 4 km/h.	7.78	78.7	5.02	0.6	0.751	2.790	816	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tươi cho khu vực huyện Vụ Bản.	Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước cạn. Nước màu vàng đục.								B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI